

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

Chuyên viên Phân tích

Mai Trung Nghĩa Email: ngiamt@vikkibanks.vn

Nhân viên Phân tích

Tạ Thanh Hoàn Như Email: nhutth@vikkibanks.vn



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

TÓM TẮT SỰ KIỆN

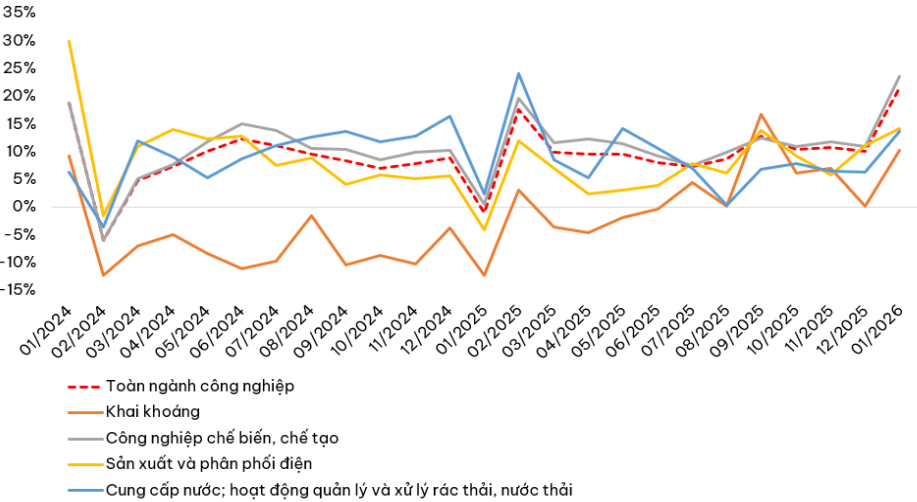
Chủ đề	Sự kiện/Chỉ tiêu	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô quốc tế	FED giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 01/2026	Tại cuộc họp ngày 28/01/2026, FOMC quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 3,5%-3,75%, chính thức tạm dừng chu kỳ nới lỏng sau ba lần cắt giảm liên tiếp trong năm 2025. Quyết định này cho thấy FED đang thận trọng đánh giá độ trễ chính sách, đồng thời gửi đi tín hiệu dứt khoát về việc duy trì tính độc lập trước những áp lực chính trị đang gia tăng. Song song đó, cuộc đua vào vị trí Chủ tịch FED nhiệm kỳ mới có nhiều biến chuyển bất ngờ khi Kevin Warsh được Tổng thống Donald Trump đề cử, người được giới quan sát đánh giá sẽ tạo ra nhiều sự xáo trộn khi lập trường của ông Kevin Warsh không theo đuổi việc điều hành chính sách thuần túy.	Trung lập
Vĩ mô Việt Nam	Mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026	Năm 2026, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khoảng 15% (thấp hơn mức thực hiện được của năm 2025) và có thể điều chỉnh linh hoạt theo tình hình thực tế, nhằm kiểm soát lạm phát và hỗ trợ nền kinh tế. Cùng với đó, NHNN yêu cầu các ngân hàng kiểm soát chặt tốc độ tăng trưởng tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt là bất động sản trong năm 2026. Qua đó, định hướng dòng vốn vào sản xuất - kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và động lực tăng trưởng của nền kinh tế, đồng thời bảo đảm ổn định thanh khoản thị trường tiền tệ và an toàn hoạt động của hệ thống tổ chức tín dụng.	Trung lập
	Tiêu dùng phục hồi ổn định –Ngành du lịch tiếp tục khởi sắc	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành T1/2026 tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy xu hướng tích cực của thị trường tiêu dùng. Trong đó, điểm sáng nổi bật thuộc về ngành du lịch khi đón gần 2,5 triệu lượt khách quốc tế trong T1/2026 (+21,4% so với tháng trước và tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2025).	Tích cực
	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng trưởng mạnh mẽ	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của T1/2026 tăng 21,5% so với cùng kỳ, trong đó ngành chế biến - chế tạo tiếp tục đóng vai trò động lực chính với mức tăng 23,6%. Mức tăng trưởng ấn tượng một phần đến từ nền so sánh thấp của tháng 1 năm trước (trùng dịp nghỉ Tết Âm lịch). Bên cạnh yếu tố kỹ thuật, các doanh nghiệp cũng chủ động gia tăng công suất nhằm đáp ứng đơn hàng ngay từ đầu năm, cho thấy tín hiệu cải thiện thực chất của hoạt động sản xuất.	Tích cực



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

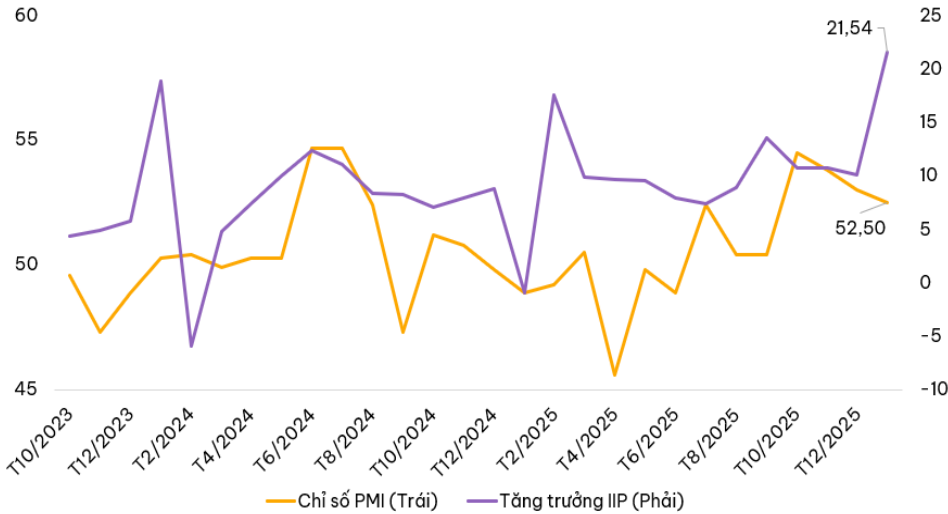
Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

Hình 1: Tăng trưởng IIP của Việt Nam (%YoY)



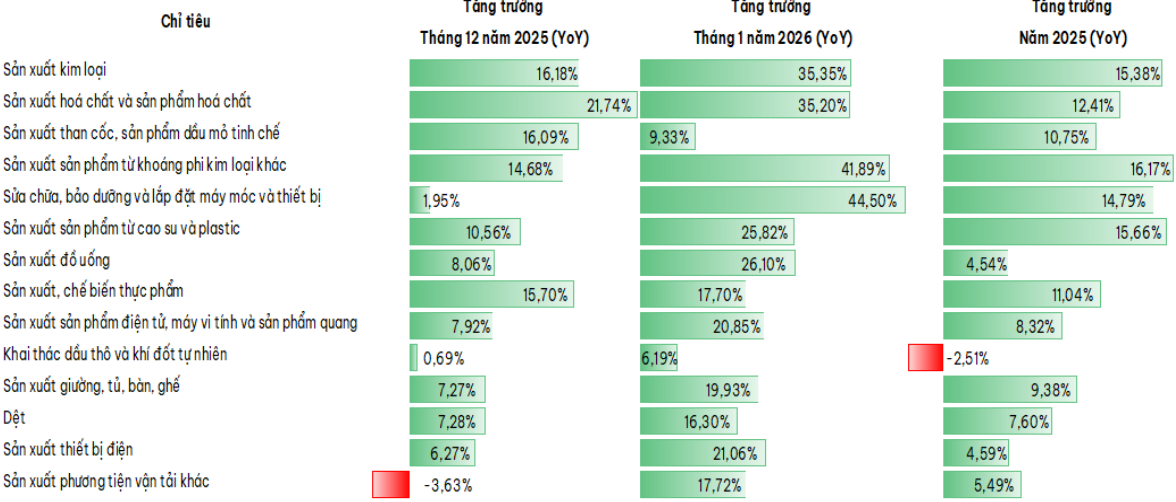
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 2: Chỉ số PMI & Tăng trưởng IIP (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 3: Tăng trưởng IIP của một số ngành công nghiệp trọng điểm



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

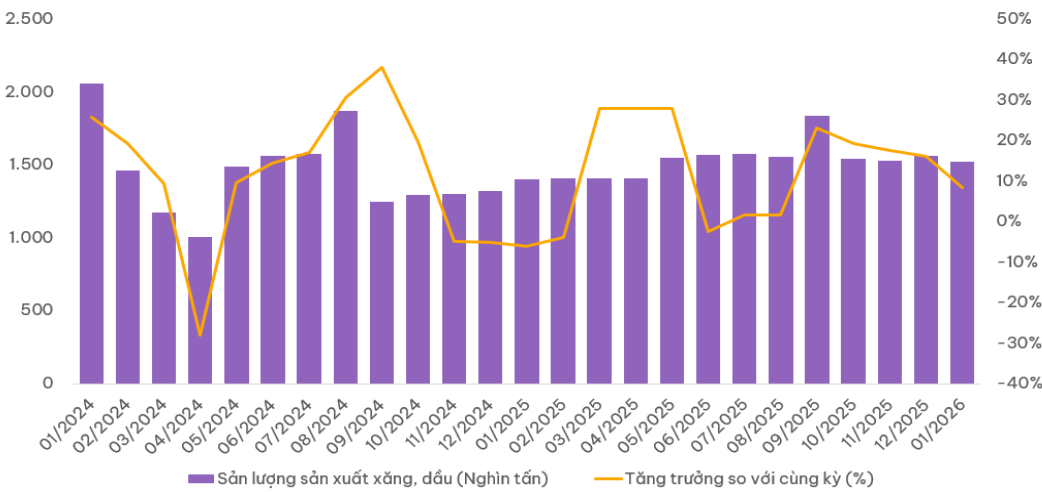
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2026 ước giảm 0,2% so với tháng trước và tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 23,6% so với cùng kỳ năm trước; sản xuất và phân phối điện tăng 14,1%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 13,6%; ngành khai khoáng tăng 10,3%.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất đạt 52,5 điểm trong tháng 1, giảm nhẹ so với mức 53 điểm của tháng 12 nhưng vẫn nằm trên ngưỡng 50 điểm, cho thấy sự cải thiện rõ ràng hàng tháng về điều kiện kinh doanh vào đầu năm 2026. Đồng thời, cho thấy sức khỏe của lĩnh vực sản xuất đã mạnh lên trong bảy tháng liên tiếp. Sự gia tăng đáng kể về sản lượng ngành sản xuất được ghi nhận trong tháng 1 có được nhờ sự hỗ trợ bởi số lượng việc làm duy trì ổn định. Số lượng việc làm đã tăng tháng thứ tư liên tiếp, cho thấy tốc độ tạo việc làm đã nhanh hơn và trở thành mức tăng nhanh nhất kể từ tháng 6/2024. Song, một số công ty cho biết công nhân chỉ được tuyển dụng theo hợp đồng tạm thời. Các doanh nghiệp cũng tăng hoạt động mua hàng để đáp ứng nhu cầu sản lượng cao hơn, từ đó kéo dài chuỗi thời gian tăng trưởng hiện tại lên bảy tháng. Lượng hàng tồn kho thành phẩm cũng giảm, và đạt tốc độ giảm nhanh nhất trong bốn tháng qua. Tuy nhiên, thời gian giao hàng của các nhà cung cấp vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện rõ ràng, nguyên nhân là do nhu cầu tăng cao và tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu. Những yếu tố trên dẫn đến chi phí đầu vào cao hơn, và chi phí này tiếp tục tăng mạnh vào đầu năm 2026.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

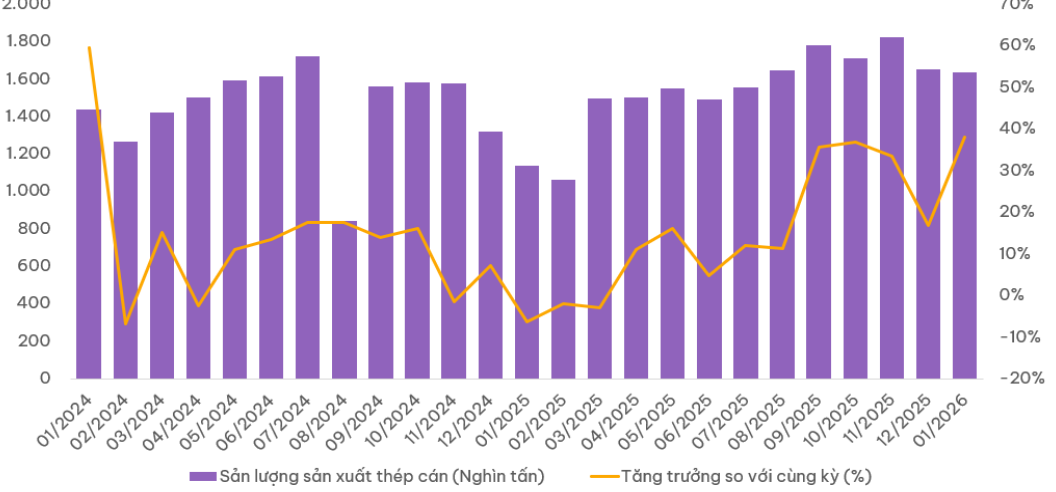
Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

Hình 4: Sản lượng xăng, dầu theo tháng (%YoY)



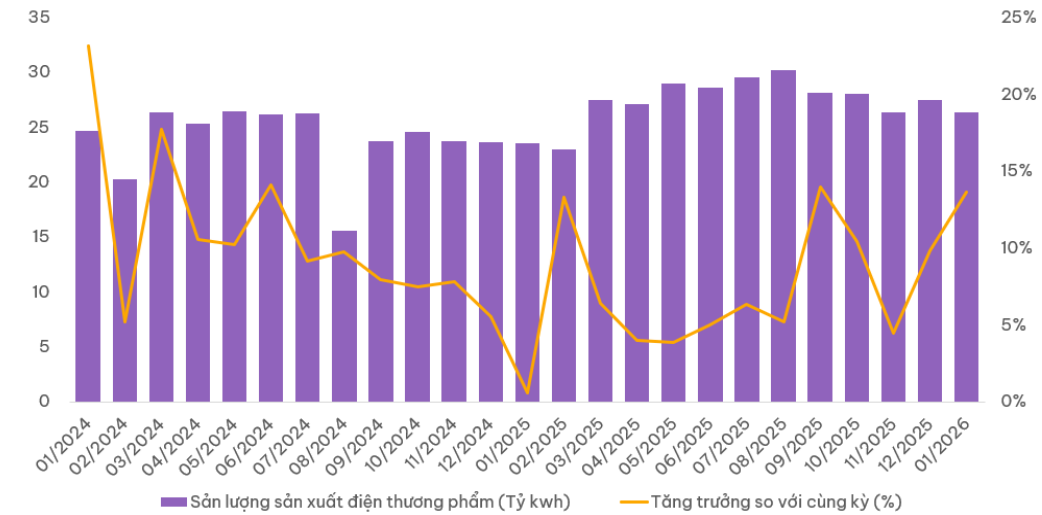
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 5: Sản lượng thép cán theo tháng (%YoY)



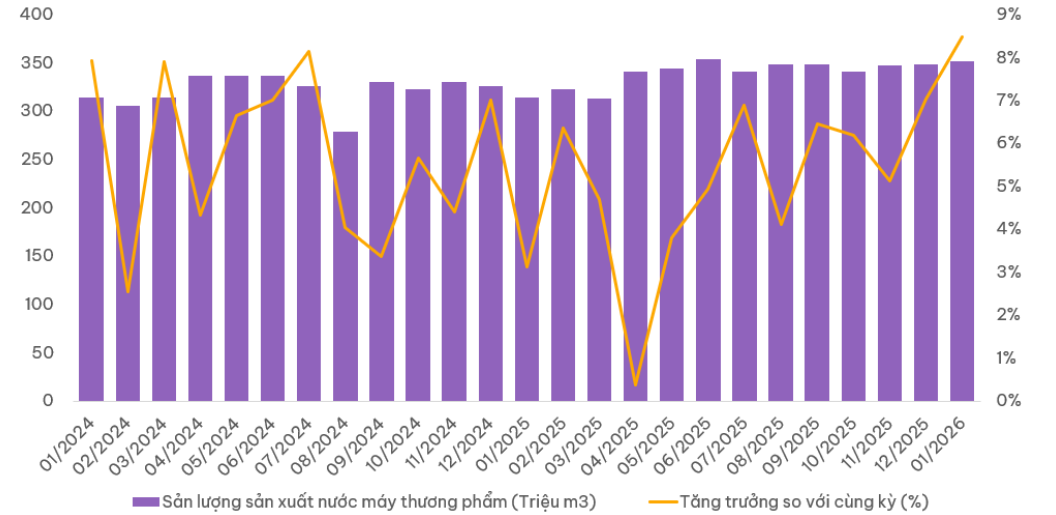
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 6: Sản lượng sản xuất điện thương phẩm theo tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 7: Sản lượng sản xuất nước máy thương phẩm theo tháng (%YoY)



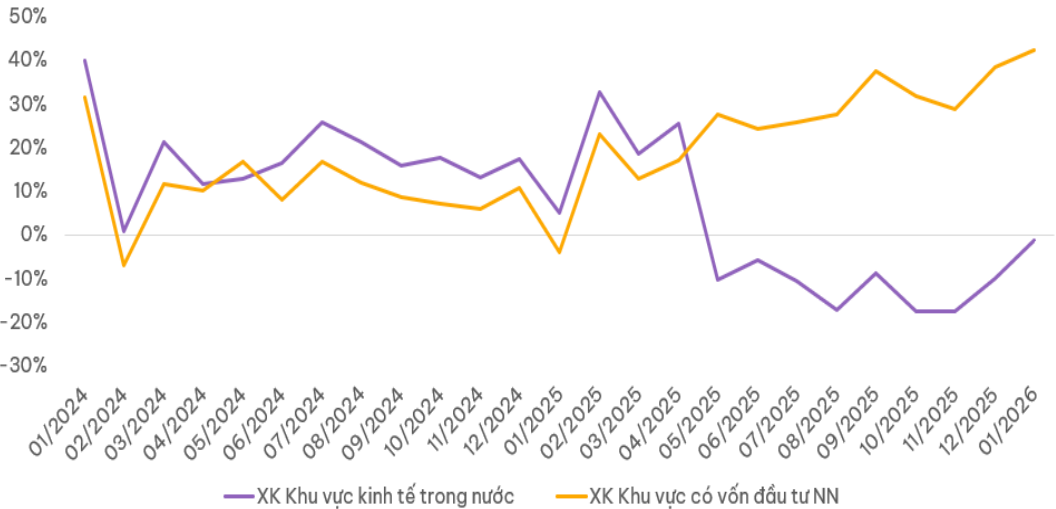
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

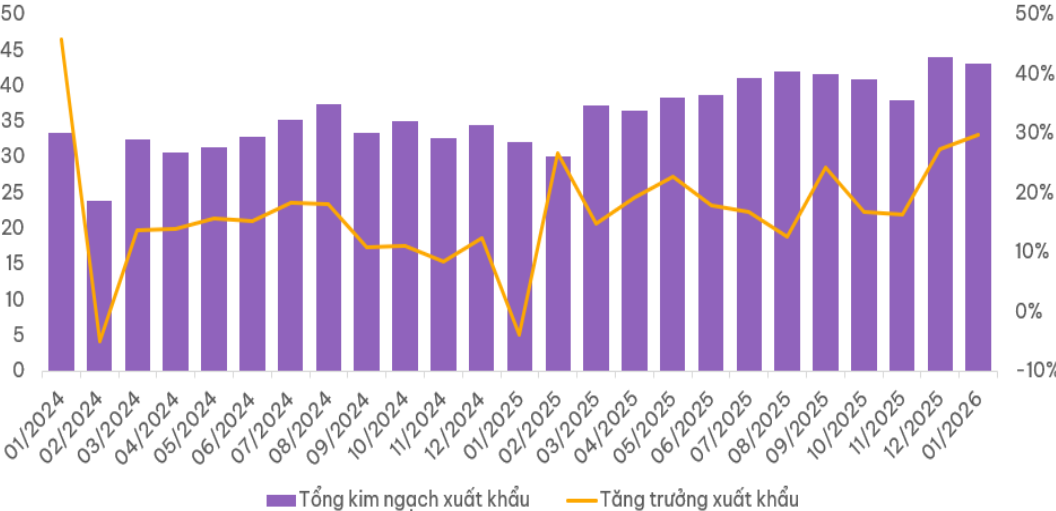
Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

Hình 8: Tăng trưởng xuất khẩu qua các tháng (%YoY)



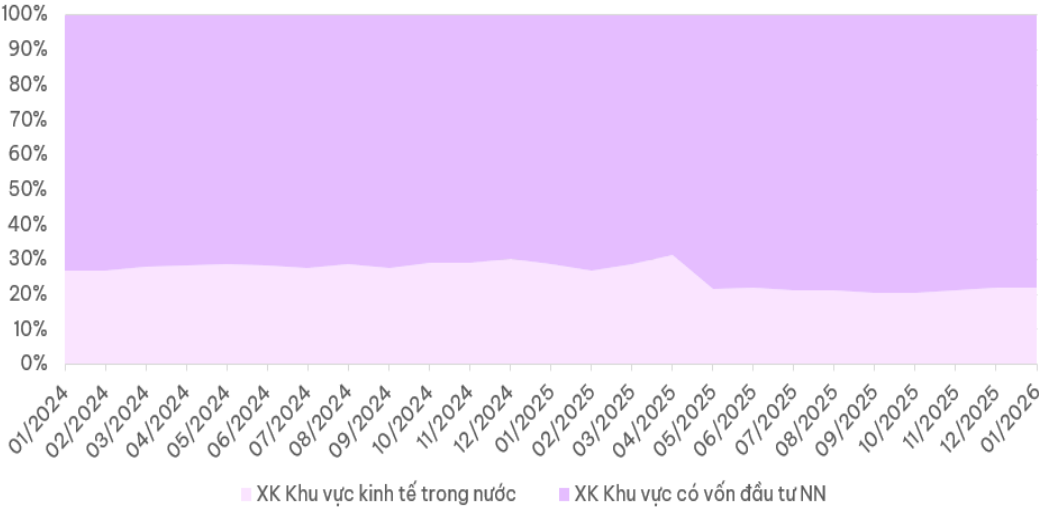
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 10: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

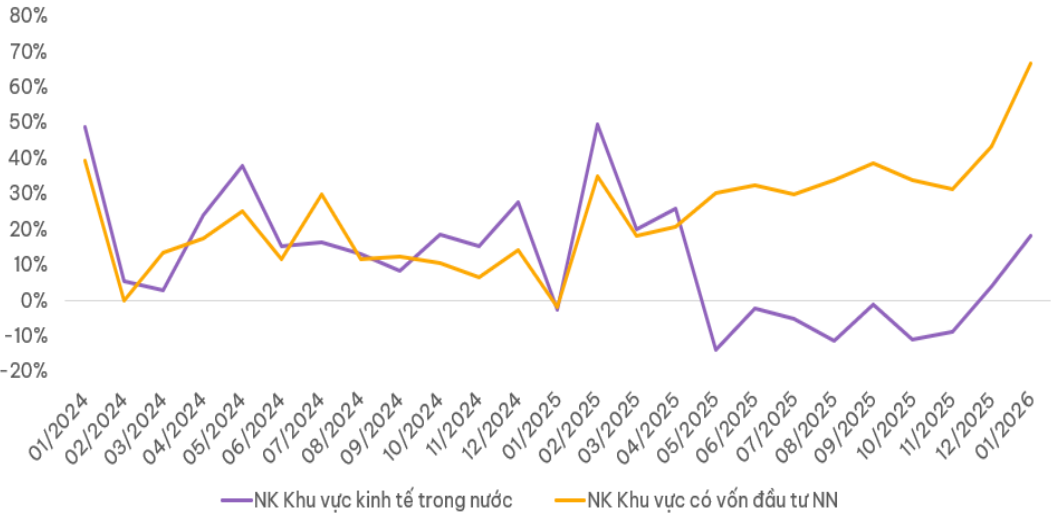
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T01/2026 đạt 43,19 tỷ USD, giảm 2,0% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,51 tỷ USD, giảm 2,0%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 33,68 tỷ USD, giảm 1,9%.
- So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T1/2026 tăng 29,7%, được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD cùng với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+57,6% so với cùng kỳ); Điện thoại các loại và linh kiện (+17,3% so với cùng kỳ); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+40,2% so với cùng kỳ).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 42,8% với giá trị xuất khẩu đạt 33,8 tỷ USD – chiếm 78% tổng kim ngạch xuất khẩu trong tháng. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước duy trì mức tăng trưởng âm tháng thứ sáu liên tiếp khi ghi nhận mức giảm 1,3% với giá trị xuất khẩu đạt 9,51 tỷ USD – chiếm 22% tổng kim ngạch.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

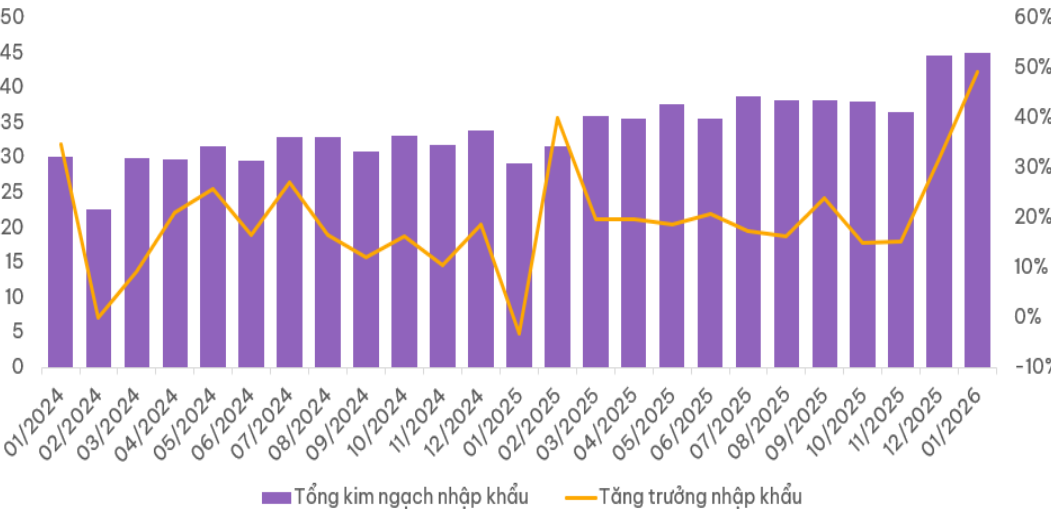
Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

Hình 11: Tăng trưởng nhập khẩu qua các tháng (%YoY)



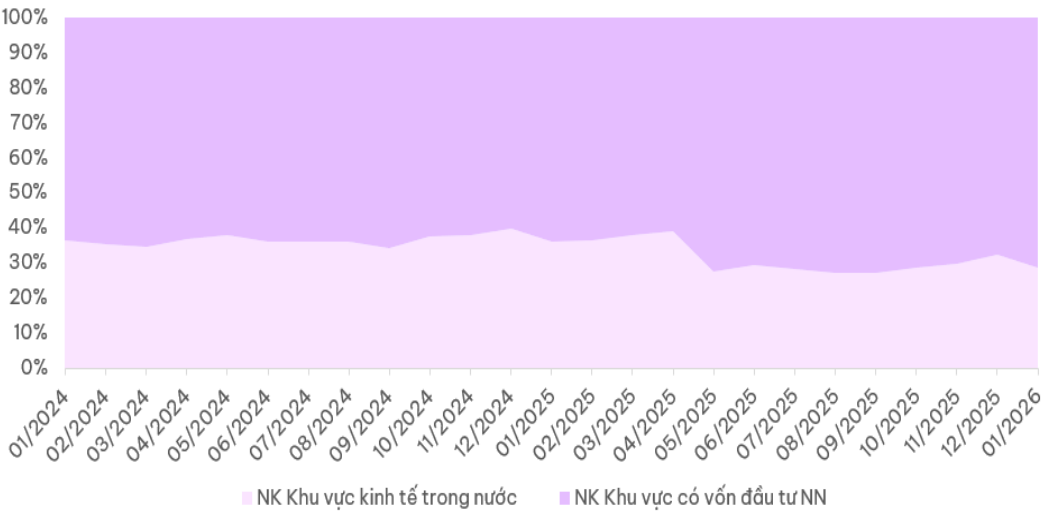
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 12: Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

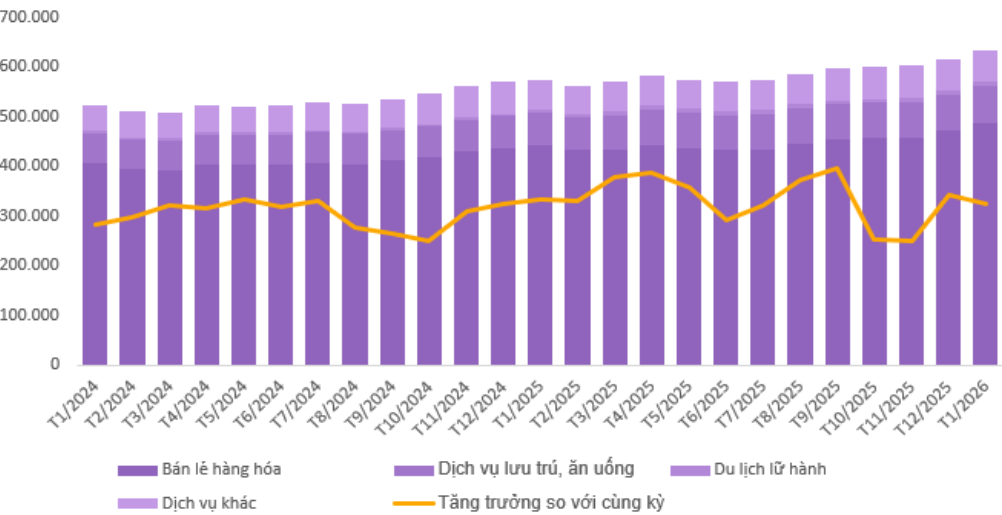
- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T01/2026 đạt 44,97 tỷ USD, tăng 0,6% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 12,91 tỷ USD, giảm 11,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 32,06 tỷ USD, tăng 6,5%.
- So với cùng kỳ, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T1/2026 tăng 49,2%. Trong đó, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 19 tỷ USD. Trong T1/2026, có 4 mặt hàng nhập khẩu với trị giá trên 1 tỷ USD cùng với mức tăng trưởng cao là: Điện tử, máy tính và linh kiện (+70,7% so với cùng kỳ); Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (+47,2% so với cùng kỳ); Kim loại thường khác (+56,4% so với cùng kỳ); Vải (+19,2% so với cùng kỳ).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 66,8% với giá trị xuất khẩu đạt 32,01 tỷ USD – chiếm 71,3% tổng kim ngạch xuất khẩu trong tháng. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước duy trì đà phục hồi khi ghi nhận mức tăng 18,2% với giá trị xuất khẩu đạt 12,9 tỷ USD – chiếm 28,7% tổng kim ngạch.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

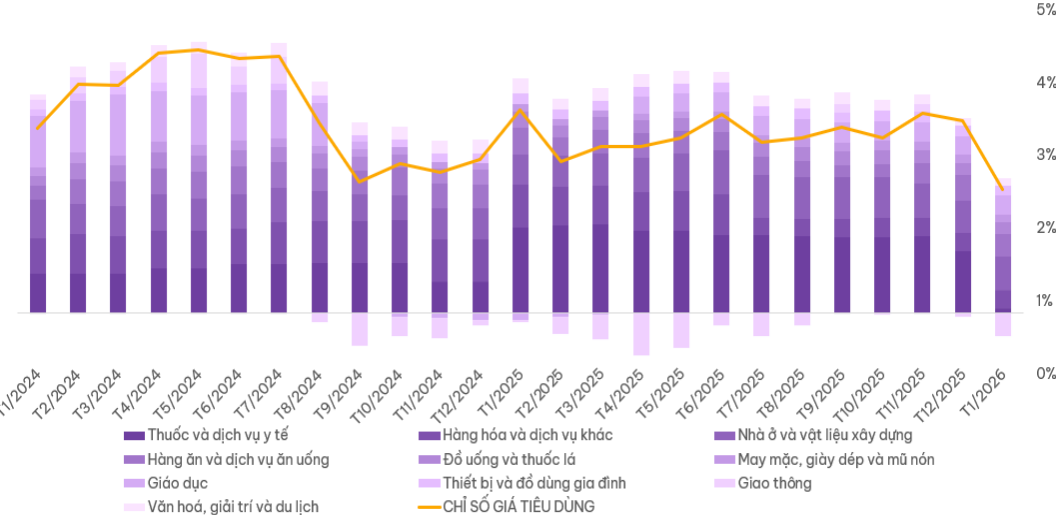
Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

Hình 14: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 15: Chỉ số CPI và mức tăng trưởng của các nhóm ngành (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành T1/2026 tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy xu hướng tích cực của thị trường tiêu dùng trong bối cảnh T1/2026 không trùng với dịp Tết Nguyên đán, trong khi cùng kỳ năm trước là tháng cao điểm tiêu dùng Tết.
- Doanh thu bán lẻ hàng hóa T1/2026 ước đạt 487,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Nhóm hàng đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 9,4% do nhu cầu mua sắm hàng hóa tăng trong dịp chào mừng năm mới và các nhãn hàng tăng cường giảm giá, kích cầu tiêu dùng; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 9,3%; hàng may mặc tăng 7,6%; hàng lương thực, thực phẩm tăng 7,7%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 5,5%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa T1/2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Cần Thơ và Quảng Ninh cùng tăng 10,7%; Huế tăng 10,1%; Hải Phòng tăng 10,5%; Tây Ninh tăng 8,8%; Nghệ An tăng 8,3%.
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống T1/2026 ước đạt 75,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu T1/2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Lâm Đồng tăng 21,3%, Quảng Ninh tăng 19,8%; Thanh Hóa tăng 19,6%; Khánh Hòa tăng 12,3%; Đà Nẵng tăng 8,7%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 8,5%. Hải Phòng tăng 7,8%; Hà Nội tăng 5,4%.
- Doanh thu du lịch lữ hành T1/2026 ước đạt 7,5 nghìn tỷ đồng, tăng 14,0% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu T1/2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Quảng Ninh tăng 25,2%; Đà Nẵng tăng 18,3%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 17,9%; Hà Nội tăng 8,5%; Cần Thơ tăng 6,2%.
- Doanh thu dịch vụ khác T1/2026 ước đạt 62,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu T1/2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Thành phố Hồ Chí Minh tăng 11,4%; Cần Thơ tăng 8,7%; Hải Phòng tăng 8,2%; Đà Nẵng tăng 8,0%; Hà Nội tăng 7,3%; Cà Mau tăng 7,0%; Thái Nguyên tăng 4,9%.

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Một tăng nhẹ 0,05% so với tháng trước chủ yếu do giá thịt lợn tăng do nhu cầu tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ tăng cao, giá ăn uống ngoài gia đình, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng do nhu cầu sơn sửa nhà cửa đón năm mới của người dân tăng. CPI tháng Một tăng 2,53% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tháng 01/2026 tăng 3,19%. Trong mức tăng 0,05% của CPI tháng Một so với tháng trước, 09 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 02 nhóm hàng có chỉ số giá giảm:

(1) Chín nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm:

- Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,70% (tác động làm tăng CPI chung 0,16 điểm phần trăm), chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau: Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,60%; giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,57%; giá dịch vụ khác liên quan đến nhà ở tăng 0,59% do nhu cầu sửa sang nhà cửa cuối năm tăng; giá gas tăng 4,29% do giá gas thế giới tăng; giá điện sinh hoạt tăng 0,33%; nước sinh hoạt tăng 0,27%; giá dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 0,33%; giá thuê nhà tăng 0,29%. Ở chiều ngược lại, giá dầu hỏa giảm 3,85% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.
- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,58% do nhu cầu tiêu dùng và sử dụng làm quà biếu tặng tăng vào dịp Tết Nguyên đán khiến giá rượu bia tăng 0,45%; thuốc hút tăng 0,60%; đồ uống không cồn tăng 0,89%.
- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,41%, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng: Nhóm đồ trang sức tăng 2,55%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,9%; dịch vụ chăm sóc cá nhân và vật dụng, dịch vụ về cưới hỏi cùng tăng 0,56%; vật dụng thờ cúng tăng 0,43%; bảo hiểm y tế tăng 0,09%.
- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,26% do nhu cầu mua sắm tăng trong mùa cưới và dịp Tết Nguyên đán. Trong đó, giá nổi điện tăng 0,78%; bàn là điện tăng 0,74%; máy hút bụi tăng 0,59%; bình nước nóng nhà tắm tăng 0,57% do nhu cầu sử dụng tăng vào mùa lạnh; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,46%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,30%; thiết bị gia đình lớn có động cơ tăng 0,28%; đèn điện thấp sáng tăng 0,27%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,25%. Giá dịch vụ trong gia đình tăng 1,43% do nhu cầu thuê người phục vụ dọn dẹp nhà cửa và chăm sóc gia đình tăng vào dịp trước Tết; giá sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,22% do chi phí nhân công và thay thế linh kiện tăng.
- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,25% do chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu cùng với nhu cầu mua sắm quần áo và giày dép tăng trong dịp Tết Nguyên đán. Trong đó, giá vải các loại tăng 0,58% so với tháng trước; mũ nón tăng 0,51%; giày dép tăng 0,38%; quần áo may sẵn tăng 0,18%; may mặc khác tăng 0,23%; dịch vụ may mặc tăng 0,71%; dịch vụ giày dép tăng 0,01%.
- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,20% (tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm), trong đó: Lương thực tăng 0,29%; nhóm thực phẩm tăng 0,09%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,44%.
- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,19%, trong đó chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 0,23%, chủ yếu do Cần Thơ triển khai áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số 277/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố. Bên cạnh đó, các bệnh cảm cúm, đường hô hấp gia tăng, nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin và khoáng chất của người dân tăng. Cụ thể, giá thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,26%; nhóm thuốc vitamin và khoáng chất và thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn cùng tăng 0,21%; thuốc tim mạch tăng 0,16%.
- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,07% chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán và chi phí dịch vụ liên quan tăng, tập trung chủ yếu ở những mặt hàng sau: Giá nhóm vật cảnh tăng 0,66%; đồ chơi tăng 0,44%; du lịch trọn gói tăng 0,05% do nhu cầu đi du lịch của người dân và chi phí dịch vụ tăng; khách sạn,

nhà khách tăng 0,24%. Ở chiều ngược lại, giá sách, báo, tạp chí các loại giảm 0,22%; vật phẩm văn hóa giảm 0,21%; thiết bị dụng cụ thể thao giảm 0,08%; thiết bị văn hóa giảm 0,07%.

- Nhóm giáo dục tăng nhẹ 0,05%, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,04% chủ yếu do một số trường tư thục, nghề, giáo dục đại học và sau đại học tại một số địa phương điều chỉnh học phí. Bên cạnh đó, giá sản phẩm từ giấy tăng 0,16%; bút viết các loại tăng 0,15%; riêng nhóm văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác giảm 0,04%.

(2) Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm:

- Nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,15%, trong đó, giá phụ kiện máy điện thoại và máy tính bảng giảm 0,72%; máy điện thoại thông minh và máy tính bảng giảm 0,46%; tivi màu giảm 0,09% do các doanh nghiệp tiếp tục điều chỉnh giảm giá bán, triển khai các chương trình khuyến mại, xả hàng cuối năm; dịch vụ viễn thông giảm 0,29%. Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 0,46% do chi phí nhân công tăng; máy vi tính và phụ kiện tăng 0,19%; máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,18% do chi phí linh kiện và nhu cầu mua sắm tăng.

- Nhóm giao thông giảm 2,32%, làm CPI chung giảm 0,23 điểm phần trăm, trong đó: Chỉ số giá xăng giảm 5,34%, chỉ số giá dầu diezen giảm 3,23%; chỉ số giá xe ô tô mới giảm 0,14%; chỉ số giá xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,03%. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng có giá tăng: Nhu cầu đi lại của người dân tăng vào dịp cuối năm làm cho giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 15,18%; vận tải hành khách bằng đường sắt tăng 4,94%; vận tải hành khách bằng xe buýt tăng 0,36%; giá phụ tùng ô tô tăng 0,26%; lốp, săm xe máy tăng 0,20%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,17%; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,60% do chi phí nhân công và nhu cầu tăng trong dịp cuối năm; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,44%.

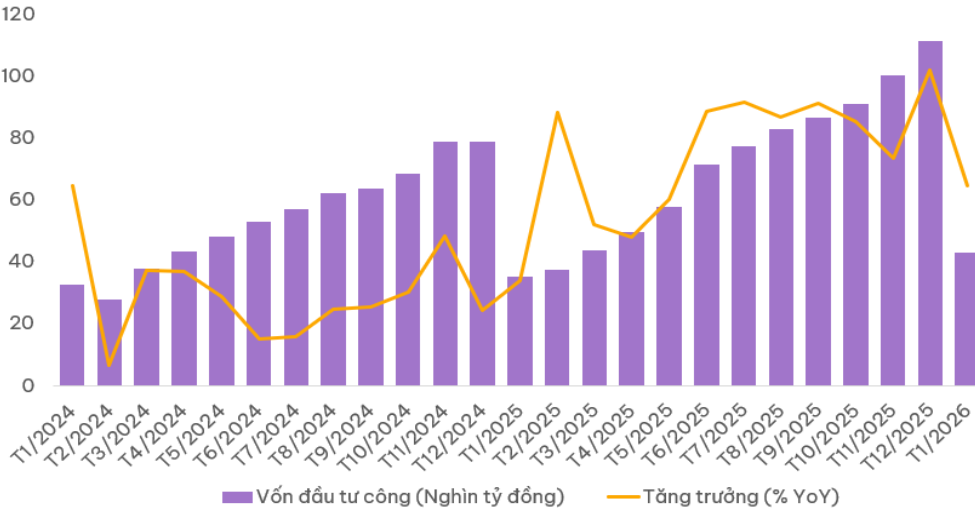
• Lạm phát cơ bản T1/2026 tăng 0,35% so với tháng trước, tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 2,53% của CPI bình quân chung. Nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, năng lượng là yếu tố góp phần làm giảm CPI chung nhưng đã được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

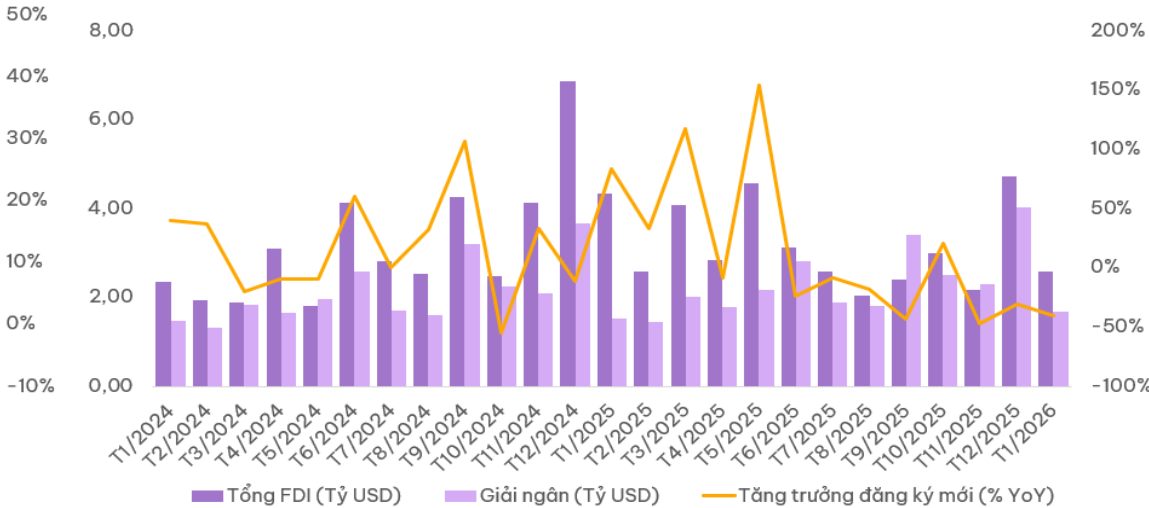
Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

Hình 16: Tăng trưởng đầu tư công qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 17: Tăng trưởng FDI tại Việt Nam qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

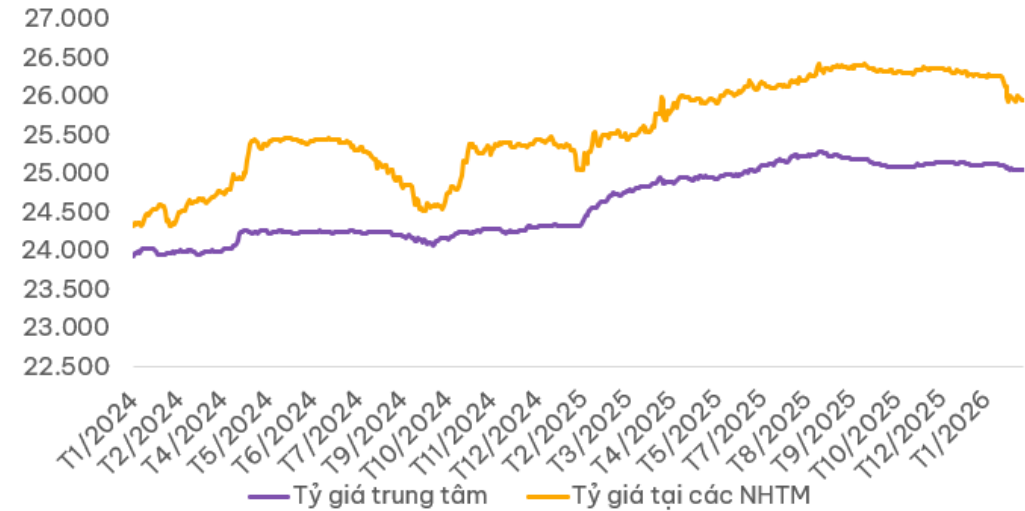
- Hoạt động đầu tư trong T1/2026 tập trung chủ yếu vào phân khai kế hoạch vốn năm 2026, các công trình mới được bố trí vốn đang trong thời gian chuẩn bị hoàn tất thủ tục, hồ sơ chuẩn bị đầu tư nên khối lượng thực hiện chủ yếu tại các công trình chuyển tiếp. Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 4,8% so với kế hoạch năm và tăng 19,3% so với cùng kỳ năm 2025. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam T1/2026 đạt 1,68 tỷ USD, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước.
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước T1/2026 ước đạt 43,1 nghìn tỷ đồng, bằng 4,8% kế hoạch năm và tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 3,6% và tăng 11,8%). Trong đó, vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý đạt 5,9 nghìn tỷ đồng, bằng 3,1% kế hoạch năm và tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, Bộ Xây dựng đạt 4,3 nghìn tỷ đồng, tăng 59,8%; Bộ Nông nghiệp và Môi trường đạt 218,6 tỷ đồng, giảm 67,9%; Bộ Y tế đạt 67,9 tỷ đồng, giảm 43,6%; Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt 54,5 tỷ đồng, giảm 6,6%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đạt 39,2 tỷ đồng, tăng 8,6%; Bộ Công Thương đạt 8,4 tỷ đồng, giảm 52,2%; Bộ Khoa học và Công nghệ đạt 4,3 tỷ đồng, giảm 69,5%; Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý đạt 37,2 nghìn tỷ đồng, bằng 5,3% kế hoạch năm và tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 28,5 nghìn tỷ đồng, bằng 5,2% kế hoạch năm và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước; Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 8,7 nghìn tỷ đồng, bằng 5,6% và tăng 31,5%.
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/01/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 2,58 tỷ USD, giảm 40,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam T1/2026 ước đạt 1,68 tỷ USD, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất tháng Một trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,39 tỷ USD, chiếm 82,5% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 110,2 triệu USD, chiếm 6,6%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 66,6 triệu USD, chiếm 4%.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

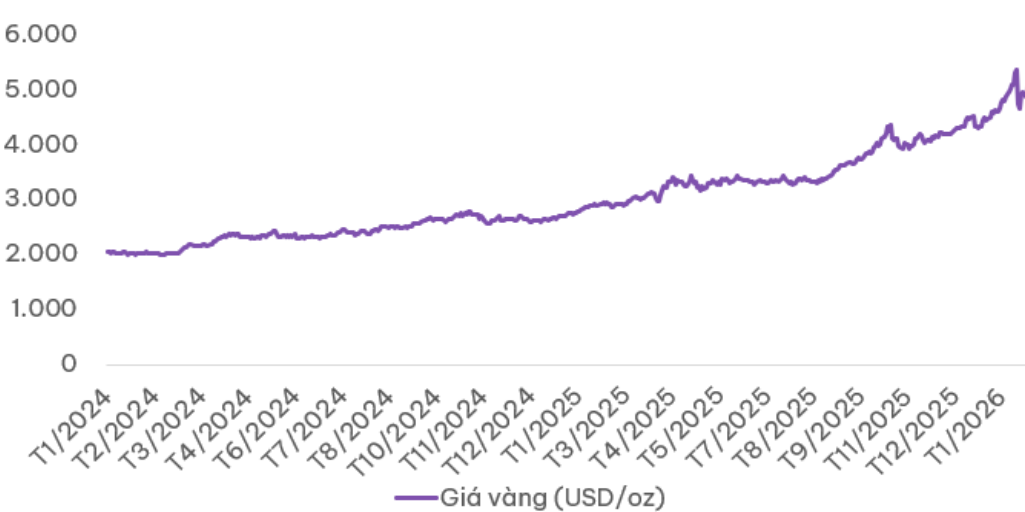
Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

Hình 18: Tỷ giá USD/VND



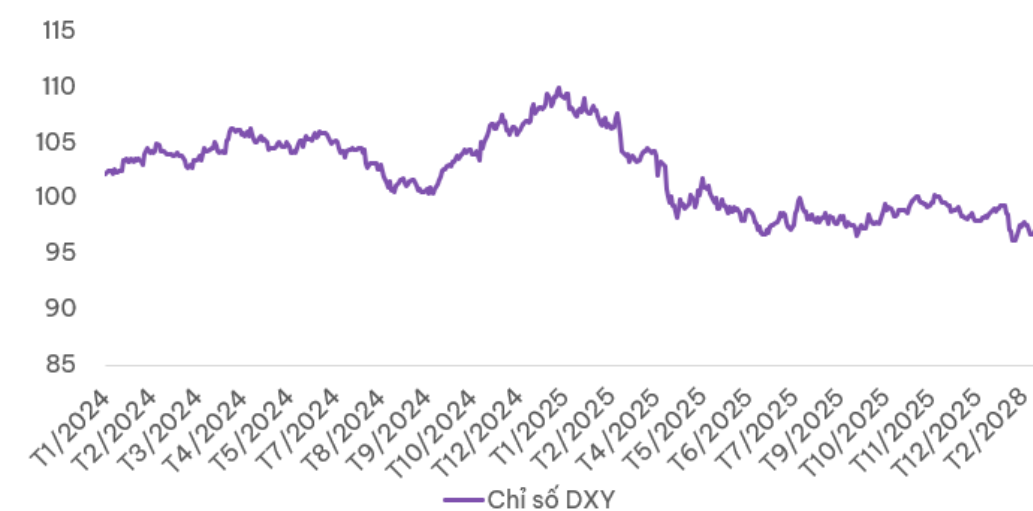
Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 20: Giá vàng thế giới



Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 19: Chỉ số Dollar (DXY)



Nguồn: VikkiBankS Research

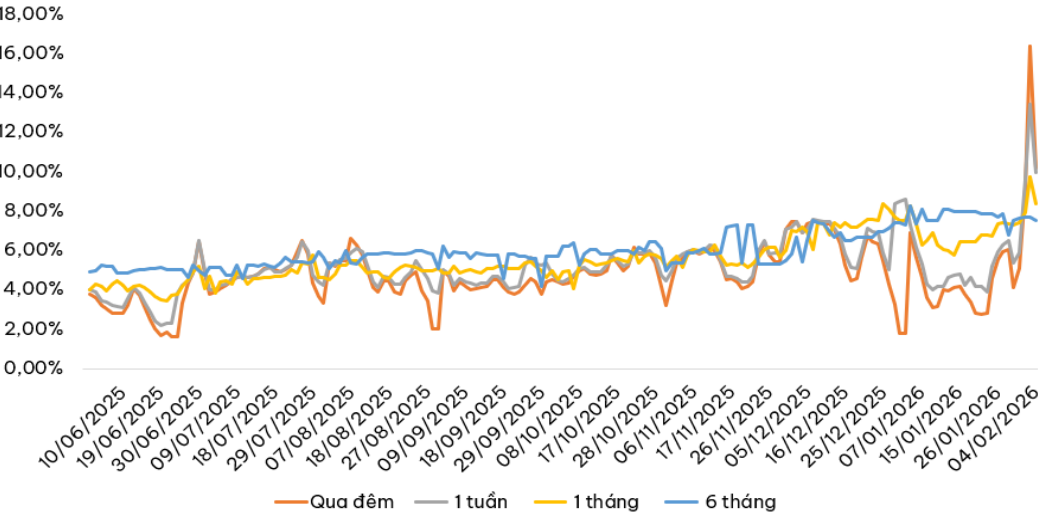
- Bước sang đầu năm 2026, chỉ số DXY tiếp tục chịu áp lực giảm sau giai đoạn suy yếu mạnh trong năm 2025, dù vẫn dao động quanh vùng 98-99 điểm trong đầu tháng 1. Nguyên nhân chủ yếu đến từ kỳ vọng Fed sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ sau ba lần cắt giảm lãi suất trong năm trước, trong khi nhiều ngân hàng trung ương lớn tạm dừng hoặc cân nhắc đảo chiều chính sách. Cuối tháng 1/2026, chỉ số DXY có thời điểm lùi về 95,56 điểm, mức thấp nhất kể từ đầu năm 2022. Trong bối cảnh đó, tỷ giá USD/VND trong nước cũng giảm nhẹ, phản ánh tác động từ xu hướng suy yếu của USD toàn cầu.
- Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 29/01, giá vàng thế giới bình quân ở mức 4.733,31 USD/ounce, tăng 8,65% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do dòng vốn đầu tư vào vàng gia tăng, cùng với hoạt động mua ròng liên tục của các Ngân hàng Trung ương. Bên cạnh đó, đồng đô la Mỹ suy yếu trong bối cảnh kỳ vọng nới lỏng chính sách tiền tệ cùng với nhu cầu nắm giữ các tài sản thực của nhà đầu tư tăng lên trước những căng thẳng địa chính trị và bất ổn toàn cầu, qua đó tiếp tục củng cố vai trò trú ẩn an toàn của vàng làm giá vàng tăng mạnh. Trong nước, giá vàng bám sát xu hướng thế giới, đồng thời nhu cầu tích trữ và đầu tư tăng lên trong bối cảnh các kênh đầu tư thay thế chưa ổn định, giúp mặt bằng giá vàng duy trì ở mức cao. Chỉ số giá vàng tháng Một tăng 5,02% so với tháng trước; tăng 77,1% so với cùng kỳ năm trước.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

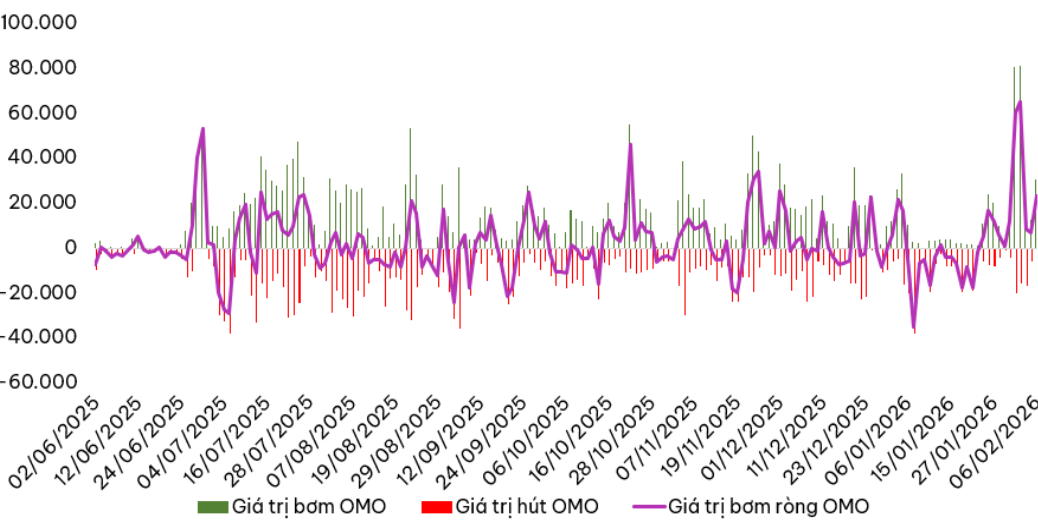
Hình 21: Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: VikkiBankS Research

- Trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 1 tuần và 1 tháng tăng mạnh vào cuối năm 2025, vượt ngưỡng 8%, ngay trong phiên giao dịch đầu tiên của năm 2026, Ngân hàng Nhà nước đã bơm hơn 33 nghìn tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ cho vay cầm cố giấy tờ có giá với lãi suất 4,5%/năm nhằm hỗ trợ thanh khoản. Dù vậy, trong ba tuần đầu tháng 1/2026, NHNN vẫn hút ròng hơn 110.000 tỷ đồng, khiến giá trị hút ròng lũy kế của tháng đạt 64.250 tỷ đồng. Bước sang đầu tháng 2, nhu cầu tiền mặt tăng cao trong giai đoạn cận Tết đã khiến thanh khoản hệ thống trở nên căng thẳng, đẩy lãi suất liên ngân hàng tăng đột biến. Theo đó, lãi suất qua đêm và kỳ hạn 1 tuần tại ngày 03/02 lần lượt vọt lên 16,39% và 13,44%, mức cao nhất trong vòng 15 năm.
- Trước diễn biến căng thẳng về thanh khoản, Ngân hàng Nhà nước đã nhanh chóng tăng cường can thiệp khi bơm hơn 161.000 tỷ đồng ra thị trường chỉ trong hai ngày đầu tháng 2, cao hơn tổng lượng bơm trong cả tháng 1. Đồng thời, NHNN kích hoạt nghiệp vụ hoán đổi USD/VND kỳ hạn 21 ngày theo hình thức mua USD giao ngay và bán USD kỳ hạn, với hạn mức tối đa 1 tỷ USD, qua đó bổ sung khoảng 23.864 tỷ đồng (VND) cho hệ thống ngân hàng.

Hình 22: Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)



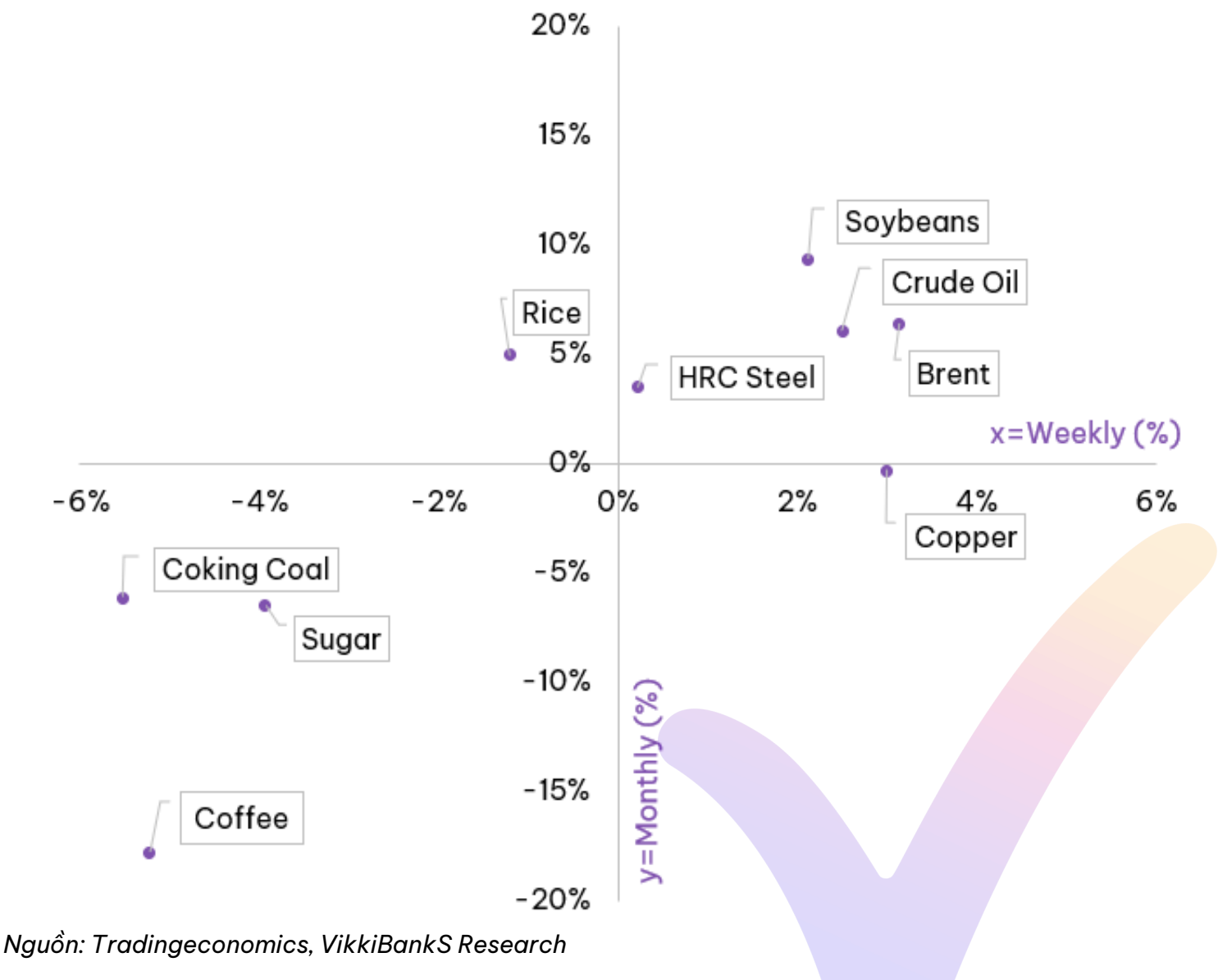
Nguồn: VikkiBankS Research



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01-2026

Thứ Sáu, 13 Tháng Hai 2026

Name	Price	YoY
Crude Oil (USD/bbl)	64,87	-9,00%
Brent (USD/bbl)	69,66	-7,14%
Coking Coal (USD/t)	222	14,43%
Gold (USD/t.oz)	5.066,18	72,81%
Silver (USD/t.oz)	83,79	158,87%
Copper (USD/lbs)	6,00	25,92%
HRC Steel (USD/t)	975,02	27,12%
Sugar (USD/lbs)	13,87	-29,63%
Soybeans (USD/bu)	1.135,75	10,27%
Coffee (USD/lbs)	292,50	-31,98%
Rice (USD/cwt)	11,14	-20,69%



TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.